

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/10/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2	7:25	19	0		15	0	
2		MRM+BK5+TD5	7:25	9+1+12	0+0+0		1+1+12	0+0+0	
3		TD5+TD3	7:25	7+15	0+0		0+18	0+0	
4		P6+P2+CI	9:25	5+17+0	0+0+0		0+16+1	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:25
FLIGHT: 01	TO: TD2	CREW: MTiến - Toàn	ETA: 10:35
XANH-1			

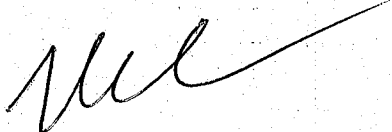
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ XUÂN VANG	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
2	BUI THO DUONG	TD2	77-79	3	15		59	KHOAN	Vietnamese
3	TRINH QUOC KHANH	TD2	68	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN VAN DIEP	TD2					79	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN KHAC HA TRUNG	TD2	80	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
6	LE VINH THUAT	TD2	71	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG VIET LINH	TD2	69	1	8		99	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN VAN MINH	TD2	72	1	15		61	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN QUOC KHANH	TD2	74	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
10	VU VAN THUY	TD2	73	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
11	NG. MẠNH CUÔNG*CAM-PVDT	TD2	65	1	13		58	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN DUC NGU-PVD	TD2	81	1	8		71	KHOAN	Vietnamese
13	DINH QUANG CHIEN	TD2	70	1	14		75	KHOAN	Vietnamese
14	VU ANH HIEU	TD2	62	1	15		60	SCHLUMB	Vietnamese
15	ĐÔNG KÝ ANH	TD2	66-67	2	18		72	SCHLUMB	Vietnamese
16	NGUYEN DUY MINH	TD2	75-76	2	19		100	SCHLUMB	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC CHIEN	TD2	82-83	2	14		73	CUC ĐKVI	Vietnamese
18	DINH DUC QUAN	TD2				26	66	XAYLAP	Vietnamese
19	NGO THANH NAM	TD2	63-64	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

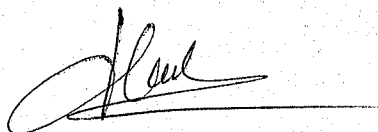
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	19	22	187	1.387	26	15		
	TOTAL	19	22	187	1.387	26	15		
	WEIGHT KG			187	1.387	26			

GRAND TOAL: 1.600 KGS

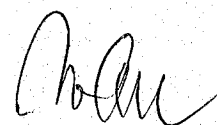
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	TO: MRM - BK5 - TD5	CREW: Phong - N.Anh - Toan	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH HAI	MRM	13	1	18		80	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VĂN ANH	MRM	15	1	15		80	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN KY	MRM	18	1	12		66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN CUÔNG	MRM	11	1	15		85	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG ĐỨC HA	MRM	14	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ANH TUÂN	MRM	17	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	MRM	16	1	12		105	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN DŨNG	MRM	19-20	2	18		87	KH-THAC	Vietnamese
9	VU ANH TUÂN	MRM	12	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ VĂN MINH	BK5	74	1	5	50	80	PSV	Vietnamese
11	DEMIN YURI	TD5	79	1	8		103	KHOAN	Russian
12	PHẠM VĂN HIỂU	TD5	83	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM TIẾN CHUNG	TD5	86	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TÂN TÀI	TD5	82	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	BAO NGUYỄN LỘC	TD5	87	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HOÀ	TD5	88	1	10	13	75	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN BÀ HOA	TD5	78	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
18	TRỊNH ANH TRƯỞNG	TD5	84-85	2	10	15	65	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN DUY ĐỨC	TD5	44	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ VŨ NGỌC	TD5	80	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU LỘC	TD5	81	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
22	TRẦN THUỖNG VŨ	TD5	89	1	14		90	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	9	10	122	716	0	1		
2	BK5	1	1	5	80	50	1		
3	TD5	12	13	87	908	28	12		
TOTAL		22	24	214	1.704	78	14		
WEIGHT KG				214	1.704	78			

GRAND TOAL: 1.996 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: TD5 - TD3	CREW: Hôi - Mạnh - NNam	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	TD5	46-47	2	12		71	KHOAN	Vietnamese
2	MESHKOV	TD5	52	1	8	52	78	DIA VLY	Russian
3	NGUYỄN TRUNG THANH	TD5	48	1	9	40	68	ANTOAN	Vietnamese
4	PHẠM THANH NGHĨA	TD5	51	1	11		91	ANTOAN	Vietnamese
5	TRẦN DUY THÔNG	TD5	49-50	2	9		77	ANTOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU VIỆT	TD5	45	1	8		70	ANTOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐĂNG NGỌC	TD5	53	1	3		75	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN PHI DAN	TD3	03-04	2	12		52	YTE	Vietnamese
9	NGUYỄN TRUNG HÒA	TD3	1	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN TUẤN ANH	TD3	10	1	3		85	KHOAN	Vietnamese
11	ĐỖ DUY CHÍNH	TD3					67	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN LÊ KIẾN	TD3	09	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ HÙNG ANH	TD3					78	KHOAN	Vietnamese
14	ĐỖ NGUYỄN GIÁP*PK-PVDO	TD3	01-02	2	12	40	71	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM HÙNG DƯƠNG	TD3	05-06	2	10		95	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	13	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
17	HÀ VĂN PHÚC	TD3					78	KHOAN	Vietnamese
18	TRỊNH DUY SƠN	TD3	11	1	10		84	KHOAN	Vietnamese
19	BUI CÔNG SƠN	TD3	12	1	10		66	KHOAN	Vietnamese
20	NGÔ VIỆT PHƯƠNG	TD3	15	1	12		88	KHOAN	Vietnamese
21	CHU VĂN THẮNG	TD3	07	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
22	LÊ TỰ HỢP	TD3	08	1	4		66	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	7	9	60	530	92	0		
2	TD3	15	15	93	1.120	40	18		
TOTAL		22	24	153	1.650	132	18		
WEIGHT KG				153	1.650	132			

GRAND TOAL: 1.935 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	TO: P6 - P2 - CLI	CREW: Phong - N.Anh - Toan	ETA: 11:10

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ NGỌC CƯỜNG	P6	33-34	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
2	HOANG VAN THUYET	P6	31	1	10		64	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN MẠNH HÙNG	P6	29-30	2	13		70	XAYLAP	Vietnamese
4	TRINH ĐẮC HÙNG	P6	32	1	19		68	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN VĂN TRƯỞNG	P6	27-28	2	13		76	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN THANH TÙNG	P2	200	1	8		77	XAYLAP	Vietnamese
7	HOANG VAN VIEN	P2	30-31	2	20		81	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ TRỌNG VĂN	P2	33-34	2	16		62	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN TIỀN ĐỀ	P2	96-97	2	19		53	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN NHẬT LINH	P2	21	1	14		75	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI ĐÌNH THU	P2	29	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM VĂN QUYÊN	P2				25	72	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC GIÁP	P2	35	1	10		59	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU TOÀN	P2	24	1	11		56	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN NAM KHÁNH	P2	98-99	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
16	LƯƠNG ĐỨC DÂN	P2	22-23	2	14		68	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM BA HOÀNG	P2	25	1	12		62	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐẠO QUYẾT THẮNG	P2	28	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAN VĂN ĐỨC	P2	19-20	2	18		76	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN SĨ HẢI	P2	38	1	11		55	XAYLAP	Vietnamese
21	LƯƠNG VĂN LÊN	P2	26-27	2	15		71	XAYLAP	Vietnamese
22	BUI NGỌC NAM	P2	36-37	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

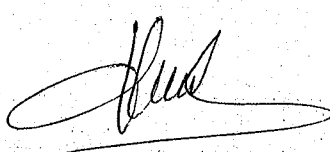
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	5	8	75	348	0	04		
2	P2	17	24	225	1.145	25	16		
3	CLI	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	32	300	1.493	25	18		
WEIGHT KG				300	1.493	25			

GRAND TOAL: 1.818 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN


KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/10/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về		Ghi chú	
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người		Hàng
1		RC3+TD5	7:25	2+19	0+0		0+15	0+0	
2		TD3	7:25	22	0		22	0	
3		BK3+P10	7:25	6+16	0+0		4+17	0+0	
4		P11+P2	9:25	6+16	0+0		4+18	0+0	
5		P9+P8+TTC2	9:25	22+0+0	0+0+0		18+1+0	0+0+0	chuyen 3 p8-ttc2
6		P10+BK10	9:25	15+7	0+0		13+9	0+0	
7		P2+BK15	11:25	14+8	0+0		12+9	0+0	
8		BK4+BK3+P9	11:25	10+2+10	0+0+0		9+1+11	0+0+0	

TTBDSX

Đi về trong ngày BK3-1ng

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/10/2020	TO: RC3 - TD5	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - Mạnh - QTrưởng	ETA: 09:10
xanh-1			

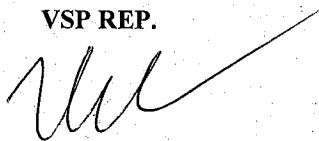
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DANG TUAN ANH	RC3	37	1	6	130	80	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN CONG PHU	RC3	36	1	10		79	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN MANH THU	TD5	61	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
4	HA THANH TUNG	TD5	67	1	5		93	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG XUAN THI	TD5	71	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG VAN KHAI	TD5	62	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN HOANH VU	TD5	59	1	3		77	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG NGOC DANH	TD5	70	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
9	LE TIEN DUNG	TD5	60	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
10	LE HUY TIEN HAI	TD5	73-74	2	12		67	KHOAN	Vietnamese
11	DANG MINH KHAI	TD5	68	1	9		85	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM BA CUONG*CAM-PVDT	TD5	64	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN NGA	TD5	75	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
14	DO DUC ANH	TD5	69	1	8		90	KHOAN	Vietnamese
15	TRINH VAN TIEN	TD5	63	1	3		83	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TINH	TD5	65-66	2	15		75	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYEN TRONG TUAN	TD5	79	1	10	8	69	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYEN QUANG ANH	TD5	78	1	6	12	66	ANTOAN	Vietnamese
19	BUI BACH DUONG	TD5	76-77	2	15		69	DVL	Vietnamese
20	LE NGOC ANH	TD5	57-58	2	10		74	CO DIEN	Vietnamese
21	PHAN DANG TUAN	TD5	72	1	10		55	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

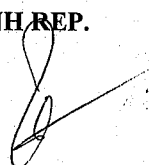
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	2	2	16	159	130	0		100KG HANG TU TD5 VE VT
2	TD5	19	23	139	1.390	8 + 15	15		
TOTAL		21	25	155	1.549	138 + 15	15		
WEIGHT KG				155	1.549	138 + 15			

GRAND TOAL: 1.842 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: MI	TO: TD3	CREW: Hạnh - VLinH - HIẾU	ETA: 09:15
CAM-1			

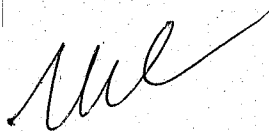
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VIỆT THĂNG	TD3	22	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
2	DOAN VAN TUAN-PVD	TD3	82	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	NG. ĐÌNH NGỌC*CAM-PVDI	TD3	23	1	8		62	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH NHAN	TD3	20	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	BUI VAN NGHIA	TD3	84	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ SỸ HÙNG	TD3	77	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC THANH	TD3	19	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	ĐẶNG XUÂN LƯU	TD3					65	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ TRỌNG TUYẾN	TD3	79	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VIỆT DŨNG	TD3	85	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
11	QUÁCH THẾ ANH	TD3	86	1	10	65	66	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG VIỆT	TD3	26	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
13	HOÀNG GIANG LAM	TD3					75	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH MUỘI	TD3	27	1	5		75	PSV	Vietnamese
15	TRẦN VĂN LỰC	TD3	80	1	5		93	PSV	Vietnamese
16	VŨ NGỌC HÙNG	TD3	21	1	5		60	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT THĂNG	TD3	78	1	4		65	PSV	Vietnamese
18	HỒ SỸ THANH	TD3					60	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TUÂN	TD3	24	1	3		70	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN LẬP	TD3	83	1	5		65	PSV	Vietnamese
21	PHAN CHÍNH QUY	TD3	81	1	6		75	PSV	Vietnamese
22	TRẦN VĂN CÂN	TD3	25	1	5		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

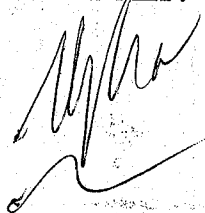
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	19	96	1.544	65	22		
	TOTAL	22	19	96	1.544	65	22		
	WEIGHT KG			96	1.544	65			

GRAND TOAL: 1.705 KGS

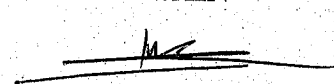
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: BK3 - P10	CREW: ĐỨC - MTHẮNG - TSON	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TARGANOV	BK3					95	ANTOAN	Russian
2	TRẦN VIỆT BÌNH	BK3	17	1	5		60	PSV	Vietnamese
3	THAI HAI HA	BK3	10-12	3	15		60	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ CÔNG VINH	BK3	16	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN BÀ DUY	BK3	15	1	3	50	60	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN QUANG PHÚ	BK3	13-14	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG BÌNH	P10	39	1	9		67	TTYT	Vietnamese
8	BADIKOV M.F.	P10	29	1	3		72	KH-THAC	Russian
9	VŨ NGUYỄN TRUNG	P10					45	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN THẮNG	P10	33	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN HƯƠNG	P10	36	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P10	31	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ BẢO TRUNG	P10	40	1	4		87	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ ĐĂNG HOÀNG	P10	35	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ LÊNH ĐẠO	P10					85	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P10	41	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THAO	P10					65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN KHÁNH TOÀN	P10	34	1	7	40	79	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HUAN	P10	38	1	2		67	KH-THAC	Vietnamese
20	HOÀNG SỸ NGUYỄN	P10	30	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN MẠNH HÙNG	P10	37	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ NGỌC ANH	P10	32	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	6	8	48	410	50	4		
2	P10	16	13	62	1.151	40	18		
TOTAL		22	21	110	1.561	90	22		
WEIGHT KG				110	1.561	90			

GRAND TOAL: 1.761 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: MI	TO: P11 - P2	CREW: HUNG - MTHAO - QTruong	ETA: 11:10
TRANG-9			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG MANH CUONG	P11	10	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TRONG BANG.	P11	17	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN TRONG HIEU	P11	03	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN LAM	P11	04-05	2	14	30	75	CODIEN	Vietnamese
5	DANG SU	P11	06-07	2	17		77	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HIEN	P11	01-02	2	10		70	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN QUANG TAN	P2	42-43	2	8		60	PSV	Vietnamese
8	TRAN DUC THUAN	P2	41	1	12		78	PSV	Vietnamese
9	LE XUAN DAM	P2	61	1	3		72	PSV	Vietnamese
10	PARSHIN	P2	50	1	15	20	88	KH-THAC	Russian
11	PHAM XUAN VINH PHUC	P2	53	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN ANH DUC	P2	54	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	VU VAN CUONG	P2	44	1	4		88	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN DANG	P2	06	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	HO CONG ANH	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
16	LE TRI HAO	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
17	BIEN DANG SAM	P2	56	1	6	50	65	KH-THAC	Vietnamese
18	TA GIA SON	P2	55	1	5	B	70	KH-THAC	Vietnamese
19	DANG THANH TRUNG	P2	47-48	2	18		78	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN QUYET CHIEN	P2	49	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
21	DANG QUOC VIEN	P2	57	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM THIEN NAM	P2	45	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	6	9	54	411	30	4		
2	P2	16	16	111	1.146	70+B	18		
TOTAL		22	25	165	1.557	100+B	22		
WEIGHT KG				165	1.557	100+B			

GRAND TOAL: 1.822 KGS +B

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	TO: P9 - P8 - TTC2	CREW: Hạnh - VLinH - HIẾU	ETA: 11:15
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BÁ THANH	P9	95	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
2	HỒ ĐỨC HIẾN	P9	86	1	7		51	TTYT	Vietnamese
3	TRẦN VĂN QUÊ	P9	01	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN HOANG	P9	94	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN DUY ANH	P9	78	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯƠNG THẾ DÙNG	P9	89	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ TAM THUY	P9	96	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ LĂNG TỬ	P9	85	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN HUONG	P9	79	1	7		53	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ VĂN LINH	P9	700	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
11	VU NAM GIANG	P9	97	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HOÀI THANH	P9	87	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TUÂN ANH	P9	82-83	2	7		63	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN ĐA KHA	P9	91	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
15	TRỊNH THẾ NHÂN	P9	81	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH TUNG	P9	93	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HUY	P9	90	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
18	NG MINH HIẾN	P9	80	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN HỮU TRI	P9	92	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG ĐỨC HAI	P9	88	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI CÔNG THẮNG	P9	98	1	10		57	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM TIỀN PHƯỢNG	P9	99	1	5	15	70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	22	23	127	1.509	15	18		CHUYỂN 3 PAX TỪ P8 SANG TTC2
2	P8	0	0	0	0	0	1 + 3		
3	TTC2	0	0	0	0	40	0		
TOTAL		22	23	127	1.509	55	19		
WEIGHT KG				127	1.509	55			

GRAND TOAL: 1.691 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:40
FLIGHT: 06	TO: P10 - BK10	CREW: ĐỨC - MTHẮNG - TSON	ETA: 11:20
NAU-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO TRƯỜNG THỊNH	P10	46	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	74	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
3	TRỊNH XUÂN QUÂN	P10	48	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT ANH	P10	47	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN BẢO TOÀN	P10	53,72	2	7		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VŨ KIẾN	P10	75	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HỮU TRI	P10					67	KH-THAC	Vietnamese
8	HUỖNH CÔNG VĂN	P10	73	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG VĂN HỘI	P10	52	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN HAI HÀ	P10	76-78	3	14		63	KH-THAC	Vietnamese
11	HỒ NGỌC THANH	P10	50	1	5		57	PSV	Vietnamese
12	TRẦN VIỆT LY	P10	49	1	5		77	PSV	Vietnamese
13	TRẦN VĂN MINH	P10	45	1	4		85	PSV	Vietnamese
14	LÊ VIỆT KHANG	P10	44	1	3		67	PSV	Vietnamese
15	ĐÀO VĂN DUNG	P10	51	1	2		70	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HỒNG	BK10	63	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN CÔNG HOAN	BK10	55	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN CHÂU NAM	BK10	56	1	6	55	87	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐO TUẤN VIỆT	BK10	54	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGHIÊM XUÂN ANH	BK10	52-53	2	13		59	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TUẤN VIỆT	BK10	51	1	5	17	77	KH-THAC	Vietnamese
22	MAI CAO ĐỊNH	BK10	57	1	6		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

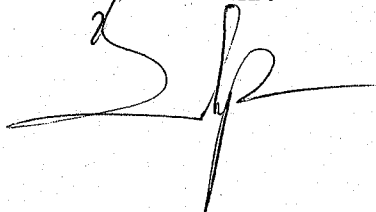
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	15	17	73	1.054	0	12		
2	BK10	7	8	46	478	72	9		
TOTAL		22	25	119	1.532	72	21		
WEIGHT KG				119	1.532	72			

GRAND TOAL: 1.723 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	TO: P2 - BK15	CREW: HUNG - MTHAO - Nnam	ETA: 13:10
xanh-3			

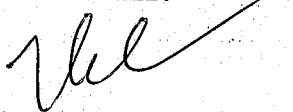
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	THAI HOANG TAM	P2	64	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG QUANG TÊ	P2	63	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	CAO VĂN HỘI	P2	67	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ VĂN ĐÔNG	P2	72	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM HIỀN TRƯỞNG	P2	65	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC DỤC	P2					74	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG MINH QUÂN	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ QUANG NINH	P2					65	KHI	Vietnamese
9	TÔ DUY ANH	P2	68	1	10		77	KHI	Vietnamese
10	LÊ HAI DƯƠNG	P2	69-70	2	13		83	T-TIN	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC CƯỜNG	P2	66	1	3		66	PSV	Vietnamese
12	TRẦN MẠU SƠN	P2	71	1	3		74	PSV	Vietnamese
13	TRẦN VĂN DỤC	P2					55	PSV	Vietnamese
14	TRINH NGỌC BĂNG	P2	73	1	7		70	PSV	Vietnamese
15	VOEVODCHENKOV N. V	BK15	39-40	2	13		100	KH-THAC	Russian
16	NGUYỄN HOÀNG KHA	BK15	42	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
17	LƯU TIẾN THANH	BK15	43	1	8	65	77	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN QUANG HOÀNG	BK15	38	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN CÔNG ĐÌNH	BK15	37	1	9		73	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ VĂN Y	BK15	36	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN TRUNG	BK15	41	1	10		77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

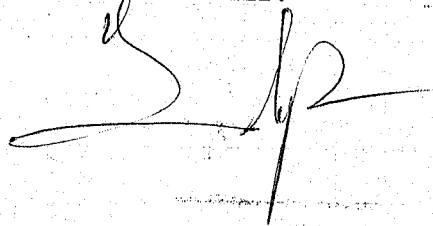
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	14	11	57	960	0	12		
2	BK15	7	8	74	536	65	9		
TOTAL		21	19	131	1.496	65	21		
WEIGHT KG				131	1.496	65			

GRAND TOAL: 1.692 KGS

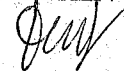
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:35
FLIGHT:	TO: BK4 - BK3 - P9	CREW: Hạnh - KHOÀN - Huy	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BABKIN A.M.	BK4	31	1	10		95	KH-THAC	Russian
2	TÔNG TRUNG HUY	BK4	37	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ĐỨC BA	BK4					90	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN NGUYỄN BAO CHAU	BK4	36	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TUÂN NGỌC	BK4	34	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐỖ VĂN CUÔNG	BK4	32	1	13	35	60	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN KHANH	BK4	33	1	15		57	XAYLAP	Vietnamese
8	KIỀU HAI DƯƠNG	BK4	29-30	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
9	HỒ VĂN ĐỨC	BK4	35	1	5		66	PSV	Vietnamese
10	LÊ HUY MẠNH	BK3	13,79	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH GIAU	BK3	12	1	3		65	PSV	Vietnamese
12	TRỊNH HUY KIỆM	P9	09-10	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC THANH	P9	06	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN NGỌC ĐỖ	P9	08	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
15	HUÀ SẦY	P9	12	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
16	LƯU QUÝ DỪNG	P9	13	1	10		59	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC MINH	P9	05	1	5		55	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN CHIÊU	P9	04	1	3		68	PSV	Vietnamese
19	DƯƠNG VĂN THU	P9	07	1	6		69	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU TUYẾT	P9	03	1	7		50	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN HAI TRUNG	P9	11	1	6		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	9	9	84	635	35	9		
2	BK3	2	3	18	145	0	1		
3	P9	10	11	65	629	0	11		
TOTAL		21	23	167	1.409	35	21		
WEIGHT KG				167	1.409	35			

GRAND TOAL: 1.611 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN